

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 24 – 4– 2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Túy Phụng.
- Bà Dương Thị Bạ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 476/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 29/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh A, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lâm Tường N, sinh năm: 1982 và bà Đặng Thị Tuyết T, sinh năm: 1987; cùng cư trú tại: Số B khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Thanh A trình bày:

Do ông Trần Thanh A và vợ chồng ông Lâm Tường N, bà Đặng Thị Tuyết T có mối quan hệ bạn bè quen biết từ trước nên vợ chồng ông N, bà T đã mượn ông Trần Thanh A số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Khi ông A cho vợ chồng ông N, bà T vay số tiền trên thì vợ chồng ông N có viết cho ông A giấy mượn tiền, có xác nhận đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 07/9/2022. Hai bên không có thỏa thuận về lãi suất vay. Trong giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận trong vòng 02 tháng, vợ chồng ông

N, bà T sẽ hoàn trả lại cho ông A số tiền nợ 40.000.000 đồng nêu trên. Số tiền ông A cho ông N, bà T vay là tiền của cá nhân ông A.

Tuy nhiên, hiện nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông N, bà T không thanh toán khoản nợ trên, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A. Do đó, ông A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lâm Tường N và bà Đặng Thị Tuyết T phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh A số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 08/11/2022 đến ngày 08/10/2023, cụ thể: 40.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 11 tháng = 3.652.000 đồng. Tổng cộng, số tiền ông N, bà T phải thanh toán cho ông A là 43.652.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy mượn tiền và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2024 ông Lâm Tường N và bà Đặng Thị Tuyết T trình bày:

Vợ chồng ông N, bà T có mượn ông Trần Thanh A số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) có lập giấy mượn tiền ngày 07/9/2022 và hai bên không có thỏa thuận về lãi suất vay, thỏa thuận trong vòng 02 tháng, vợ chồng ông N, bà T sẽ hoàn trả lại cho ông A số tiền nợ 40.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên, do hiện nay vợ chồng đang khó khăn chưa trả được cho ông A. Qua yêu cầu khởi kiện ông A, ông N và bà T đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đối với vụ trên ông N, bà T không có yêu cầu phản tố.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lâm Tường N và bà Đặng Thị Tuyết T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Lâm Tường N và bà Đặng Thị Tuyết T đều vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn buộc ông Lâm Tường N và bà Đặng Thị Tuyết T trả số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả (tính từ ngày 08/11/2022 đến ngày 08/10/2023) là 3.652.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Thanh A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Tường N và bà Đặng Thị Tuyết T trả số

tiền vay và ông **Lâm Tường N** và bà **Đặng Thị Tuyết T** hiện nay có cư trú tại: **2 khu phố B, phường B, thành phố T. tỉnh Bình Dương**. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 30; điểm c khoản 1 Điều 35; Điều 36; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông **Lâm Tường N** và bà **Đặng Thị Tuyết T** được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của ông **Lâm Tường N** và bà **Đặng Thị Tuyết T** trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nguyên đơn ông **Trần Thanh A** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 08/11/2022 đến ngày 08/10/2023, cụ thể: 40.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 11 tháng = 3.652.000 đồng. Tổng cộng, số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 43.652.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2024 ông **Lâm Tường N** và bà **Đặng Thị Tuyết T** thừa nhận có mượn của ông **Trần Thanh A** số tiền 40.000.000 đồng và hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 07/9/2022. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn ông **Lâm Tường N** và bà **Đặng Thị Tuyết T** có vay của nguyên đơn ông **Trần Thanh A** số tiền 40.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 08/11/2022 đến ngày 08/10/2023, cụ thể: 40.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 11 tháng = 3.652.000 đồng. Xét thấy, việc bị đơn không trả số tiền đã vay đúng theo thời hạn thỏa thuận là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 36; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Thanh A** đối với bị đơn ông **N**, bà **T** về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông **Lâm Tường N**, bà **Đặng Thị Tuyết T** có trách nhiệm trả cho ông **Trần Thanh A** số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 3.652.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng là 43.652.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Lâm Tường N**, bà **Đặng Thị Tuyết T** phải chịu 2.182.600 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông **Trần Thanh A** số tiền 1.091.000 đồng (Một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001045 ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh